

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST
Ngày 06/5/2021
V/v “*Tranh chấp về
hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Lợi

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng là thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST - KDTM, ngày 13 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST- KDTM, ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) A); Địa chỉ trụ sở chính: 41 Nguyễn Thị K, phường 2, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ – Chức vụ: Giám đốc phòng quản lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 428/UQ-QLN.19 ngày 26/6/2019)

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thanh Ph – Chức vụ: Nhân viên (theo văn bản ủy quyền số 1226/UQ-QLN.20 ngày 11/12/2020 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Võ Cẩm L, sinh năm: 1978, Ông Trần Văn V, sinh năm: 1979; Cùng địa chỉ: ấp Ngọc A, xã Ngọc B, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

Đại diện hộ kinh doanh: Bà Võ Cẩm L, sinh năm: 1978; theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56G8000697, ngày 12/2/2015 (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị T, sinh năm: 1956; ông Trần Văn V, sinh năm: 1948; Cùng địa chỉ: ấp Ngọc A, xã Ngọc B, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/2/2020 và tại phiên tòa Ngân hàng TMCP A trình bày: Ngân hàng cấp tín dụng cho bà Võ Cẩm L và ông Trần Văn V theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HGI.CN.290.101116 ngày 10/11/2016; Hợp đồng cấp tín dụng số HGI.CN.327.101116 ngày 14/11/2016; Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HGI.CN.55.021117 ngày 02/11/2017; Biên bản thỏa thuận HGI.CN.55.021117/BBTT-01 ngày 02/11/2017 hạn mức tín dụng với số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích bổ sung kinh doanh mua lúa gạo. Ngân hàng giải ngân bằng 02 khế ước:

+ Khế ước nhận nợ số 249097899, ngày 02/11/2017 với số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, từ ngày 03/11/2017 đến ngày 02/11/2018, lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

+ Khế ước nhận nợ số 249098249, ngày 02/11/2017 với số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, từ ngày 03/11/2017 đến ngày 02/11/2018, lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Ngày 04/9/2018, Ngân hàng A và ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HGI.CN.327.101116/SĐBS-01 để sửa đổi, bổ sung điều khoản về hạn mức tín dụng và biện pháp bảo đảm. Trong quá trình vay tính đến ngày 29/8/2018 ông V, bà L trả số tiền gốc là 450.000.000 đồng và lãi theo hợp đồng của khế ước nhận nợ số 249098249 số tiền 500.000.000 đồng. Còn số tiền 700.000.000 đồng của khế ước số 249097899 thì vợ chồng ông V chưa thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng.

Đến ngày 03/11/2018 ông V, bà L không trả số tiền còn lại nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 06/5/2021 ông V, bà L còn thiếu nợ của ngân hàng số tiền gốc 750.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 21.436.028 đồng, lãi quá hạn 300.650.856 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 5.467.582 đồng. Tổng cộng: 1.077.554.466 đồng.

Khi vay ông V, bà L thế chấp các tài sản sau cho Ngân hàng gồm:

+ Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 43, diện tích 2.940 m², đất tọa lạc tại ấp Thạnh T, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L đứng tên quyền sử dụng.

+ Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 43, diện tích 3.448 m², đất tọa lạc tại ấp Thạnh T, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L đứng tên quyền sử dụng.

+ Thửa đất số 236, tờ bản đồ số 43, diện tích 3.615 m², đất tọa lạc tại ấp Thạnh T, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L đứng tên quyền sử dụng.

+ Thửa đất số 793, tờ bản đồ số 43, diện tích 6.090 m², đất tọa lạc tại Thạnh T, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L đứng tên quyền sử dụng.

+ Thửa đất số 260, tờ bản đồ số 26, diện tích 6.982 m², đất tọa lạc tại ấp Ngọc A, xã Ngọc B, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Trần Thị T đứng tên quyền sử dụng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/5/2021 là: 1.077.554.466 đồng (trong đó: tiền gốc 750.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 21.436.028 đồng, lãi quá hạn 300.650.856 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 5.467.582 đồng). Đồng thời, phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo cho đến khi trả dứt nợ. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu tài sản bảo đảm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2020 bà Võ Cẩm L, ông Trần Văn V trình bày: Ông - bà thừa nhận vào ngày 10/11/2016, vợ chồng ông - bà có ký hợp đồng với Ngân hàng A vay số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất là 9%/năm, lãi quá hạn bằng 150%, lãi phạt là 10%/năm, mục đích là mua lúa gạo. Quá trình vay đã trả được số tiền gốc 450.000.000 đồng và lãi không nhớ rõ là bao nhiêu. Do làm ăn thất bại cho nên không thanh toán cho ngân hàng như thỏa thuận trong hợp đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện vợ chồng ông - bà đồng ý trả nhưng phải chờ bán đất mới trả được nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2020 ông Trần Văn V và bà Trần Thị T trình bày: Ông Trần Văn V là (con ruột) của ông bà, do vợ chồng V muốn vay tiền ngân hàng để làm ăn buôn bán nhỏ có hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà để thế chấp vay tiền, ông bà cho mượn giấy chứng nhận thửa đất số 260, tờ bản đồ số 26, diện tích 6.982 m², đất tọa lạc tại ấp Ngọc A, xã Ngọc B, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Trần Thị T đứng tên quyền sử dụng. Nay Ngân hàng khởi kiện do vợ chồng V làm ăn thất bại không trả được nợ với tư cách là người có tài sản cho mượn để thế chấp thì ông bà đồng ý nếu bằng tài sản của vợ chồng V không trả đủ cho ngân hàng thì thửa đất của ông bà đồng ý cho bán phát mãi để Ngân hàng thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Thời hạn đưa ra xét xử đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông V, bà L được ký kết trên cơ sở thỏa thuận nhưng đến hạn ông V, bà L không thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ. Buộc ông V, bà L trả số tiền gốc và lãi còn thiếu 1.077.554.466 đồng và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Trường hợp không trả được nợ thì có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí buộc bị đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền:

Ngân hàng thương mại cổ phần A đã nộp đơn cùng các tài liệu, chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án được xác định là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) A với bị đơn ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L, bị đơn có nơi cư trú ấp Ngọc A, xã Ngọc B, huyện G, tỉnh K. Bị đơn vay tiền để kinh doanh (có giấy phép đăng ký kinh doanh) và các bên đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ vào nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án được xác định là án “Kinh doanh thương mại” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

1.2. Về sự có mặt của đương sự: Ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L, ông Trần Văn V, bà Trần Thị T đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, xét thấy việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên áp dụng khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối với ông V, bà L, ông V, bà T.

[2] Về nội dung:

{2.1} Vào ngày 10/11/2016 giữa bà Võ Cẩm L, ông Trần Văn V đã ký kết với Ngân hàng TMCP A hợp đồng tín dụng số HGI.CN.290.101116 ngày 10/11/2016; Hợp đồng cấp tín dụng số HGI.CN.327.101116 ngày 14/11/2016; Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HGI.CN.55.021117 ngày 02/11/2017; Biên bản thỏa thuận HGI.CN.55.021117/BBTT-01 ngày 02/11/2017, kèm khế ước nhận nợ số 249097899 và số 249097849 ngày 02/11/2017 vay số tiền 1.200.000.000 đồng. Như vậy, hợp đồng vay tín dụng và khế ước nhận nợ mà các đương sự đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng như hợp đồng đã ký kết.

Theo như hợp đồng đã ký kết thì thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 03/11/2017 đến ngày 02/11/2018 là thanh toán dứt nợ. Tính từ thời điểm vay cho đến ngày 29/8/2018 ông V, bà L mới thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc 450.000.000 đồng và lãi theo hợp đồng. Đến ngày 03/11/2018 ông V, bà L không thanh toán toàn bộ số tiền gốc, lãi cho Ngân hàng nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay còn lại sang nợ quá hạn. Đã nhiều lần Ngân hàng đôn đốc ra văn bản nhắc nhở nhưng vợ chồng ông V, bà L vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Xét thấy thời hạn thực hiện hợp đồng đã chấm dứt nhưng ông V, bà L không thanh toán theo hợp đồng đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng A khởi kiện đối với ông V, bà L là có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/5/2021 ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L phải trả cho Ngân hàng TMCP A là: 750.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 21.436.028 đồng, lãi quá hạn 300.650.856 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 5.467.582 đồng. Tổng cộng: 1.077.554.466 đồng.

{2.2} Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HGI.BĐCN.170.101116, ngày 14/11/2016 ông V, bà L thế chấp gồm: Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 43, diện tích 2.940 m², đất tọa lạc tại ấp Thạnh T, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K; Thửa đất số 240,

tờ bản đồ số 43, diện tích 3.448 m², đất tọa lạc tại ấp Thạnh T, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K; Thửa đất số 236, tờ bản đồ số 43, diện tích 3.615 m², đất tọa lạc tại ấp Thạnh T, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Thửa đất số 793, tờ bản đồ số 43, diện tích 6.090 m², đất tọa lạc tại Thạnh T, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Các thửa đất đều do ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L đứng tên quyền sử dụng.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HGL.BĐCN.177.101116, ngày 14/11/2016 là thửa đất số 260, tờ bản đồ số 26, diện tích 6.982 m², đất tọa lạc tại ấp Ngọc A, xã Ngọc B, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Trần Thị T đứng tên quyền sử dụng.

Hai hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất trên đều được công chứng tại Văn phòng công chứng G, số 420 A, khu nội ô thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 14/11/2016, đảm bảo về hình thức theo quy định tại Điều 317 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng TMCP A và ông V - bà L; ông V - bà T là hợp pháp nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên thế chấp.

Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khi ông V - bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP A được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L phải chịu án phí giá ngạch là: 1.077.554.466 đồng; 800.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + {3% x 277. 554.466 đồng} = 44.326.633 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 317, 325, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L.

2. Buộc bà ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/5/2021 là: 1.077.554.466 đồng (một tỉ không trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng); trong đó tiền gốc: 750.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 21.436.028 đồng, lãi quá hạn 300.650.856 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 5.467.582 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, hộ bà Võ Cẩm L và ông Trần Văn V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

Ngân hàng thương mại cổ phần A có trách nhiệm giao trả cho ông V - bà L; ông V - bà T toàn bộ giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất, thửa đất số 240, tờ bản đồ số 43, diện tích 3.448 m²; thửa đất số 236, tờ bản đồ số 43, diện tích 3.615 m²; 232, tờ bản đồ số 43, diện tích 2.940 m²; thửa đất số 793, tờ bản đồ số 43, diện tích 6.090 m², đất đều tọa lạc tại Thạnh T, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L đứng tên quyền sử dụng đất; Thửa đất số 260, tờ bản đồ số 26, diện tích 6.982 m², đất tọa lạc tại ấp Ngọc A, xã Ngọc C, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Trần Thị T đứng tên quyền sử dụng đất, sau khi ông V - bà L đã tắt toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng.

3. Trường hợp bà Võ Cẩm L và ông Trần Văn V không thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi toàn bộ khoản nợ, cụ thể gồm:

+ Quyền sử dụng đất số BX 321989, thửa đất số 240, tờ bản đồ số 43, diện tích 3.448 m², đất tọa lạc tại ấp Thạnh T, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L đứng tên quyền sử dụng.

+ Quyền sử dụng đất số BX 321990, thửa đất số 236, tờ bản đồ số 43, diện tích 3.615 m², đất tọa lạc tại ấp Thạnh T, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L đứng tên quyền sử dụng.

+ Quyền sử dụng đất số BX 185709, thửa đất số 232, tờ bản đồ số 43, diện tích 2.940 m², đất tọa lạc tại Thạnh T, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L đứng tên quyền sử dụng.

+ Quyền sử dụng đất số BX 185711, thửa đất số 793, tờ bản đồ số 43, diện tích 6.090 m², đất tọa lạc tại Thạnh T, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L đứng tên quyền sử dụng.

+ Quyền sử dụng đất số BP 751886, thửa đất số 260, tờ bản đồ số 26, diện tích 6.982 m², đất tọa lạc tại ấp Ngọc A, xã Ngọc B, huyện G, tỉnh K do ông Trần Văn V, bà Trần Thị T đứng tên quyền sử dụng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng thì ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho ông V, bà L.

4. Về án phí:

Yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng là 19.930.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3309 ngày 11/5/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Trần Văn V, bà Võ Cẩm L phải chịu án phí giá ngạch là: 44.326.633 đồng (bốn mươi bốn triệu ba trăm hai mươi sáu trăm ba mươi ba đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, Ngân hàng A được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày (06/5/2021). Ông V - bà L; ông V – bà T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- Thi hành án huyện
- UBND xã, thị
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên